

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông H Minh Tân.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 và ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; địa chỉ trụ sở: Tầng 8, tòa nhà Vincom Center, số 72 đường Lê Thánh T, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân –Chi nhánh E; địa chỉ chi nhánh: Số 259 – 261 đường Nguyễn Văn L, quận Thanh K, Thành phố Đà Nẵng. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 7 (tổ 17 cũ), phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại X (sau đây gọi tắt là E) trình bày:

Ngày 05/6/2018, E và ông Nguyễn Hữu H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, E đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế VisaPlatinum cho ông Nguyễn Hữu H, số thẻ VP989953 (giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 12/6/2018). Quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Hữu H đã không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn từ tháng 10/2019 đến nay, vi phạm quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. E đã nhiều lần gửi thông báo đòi nợ, yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H vẫn chưa thanh toán. Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 11/10/2020 tổng số tiền 165.691.351 đồng, trong đó: số dư kỳ trước 155.830.965 đồng, phí trễ hạn: 5.318.664 đồng, phí vượt hạn mức: 748.422 đồng, lãi: 3.793.300 đồng và tiếp tục trả lãi, phí tính từ ngày 12/10/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Ngày 20/9/2021, Ngân hàng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Ngân hàng rút một phần nợ lãi và phí, phạt cộng dồn phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng, số tiền là 60.489.442 đồng. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29/9/2021 là 173.141.628 đồng, trong đó: Nợ gốc 93.499.374 đồng, lãi trong hạn 53.094.836 đồng, lãi quá hạn 26.547.418 đồng và kể từ ngày 30/9/2021 ông Nguyễn Hữu H phải tiếp tục trả tiền lãi, phí cho đến khi ông H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất sử dụng thẻ tín dụng trong thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do E ban hành từng thời kỳ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:* Ông Nguyễn Hữu H công nhận có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng và Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông H. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H có vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông H công nhận có nợ nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Ông H xin tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 12/10/2020 trở về sau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng

dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 29-9-2021 là 173.141.628 đồng; trong đó: Nợ gốc: 93.499.374 đồng, lãi trong hạn 53.094.836 đồng, lãi quá hạn là 26.547.418 đồng, án phí giải quyết. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại X có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đã được hai bên ký kết, địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông Nguyễn Hữu H tổ 7 (tổ 17 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt của bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 20/9/2021, Ngân hàng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngân hàng rút một phần nợ lãi và phí, phạt cộng dồn phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng, số tiền là 60.489.442 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29-9-2021 là 173.141.628 đồng, trong đó: Nợ gốc 93.499.374 đồng, lãi trong hạn 53.094.836 đồng, lãi quá hạn 26.547.418 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu H công nhận có nợ nguyên đơn như nguyên đơn khởi kiện nhưng ông Nguyễn Hữu H xin nguyên đơn không phải trả lãi, phí phát sinh kể từ ngày 12/10/2020 trở về sau.

Hội đồng xét xử, xét: Ngày 05/6/2018, E và ông Nguyễn Hữu H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, E đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế VisaPlatinum cho ông Nguyễn Hữu H, số thẻ VP989953 (giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 12/6/2018). Quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Hữu H đã không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn từ tháng 10/2019 đến nay, ông Nguyễn Hữu H vi phạm quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. E đã nhiều lần gửi thông báo đòi nợ, yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H vẫn không thanh toán.

Nay, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu H phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 29-9-2021 với tổng số tiền 173.141.628 đồng, trong đó: Nợ gốc 93.499.374 đồng, lãi trong hạn 53.094.836 đồng, lãi quá hạn 26.547.418 đồng và kể từ ngày 30-9-2021 ông H tiếp tục trả tiền lãi, phí cho đến khi ông H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất sử dụng thẻ tín dụng trong thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do E ban hành từng thời kỳ, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là: 173.141.628 đồng $\times$ 5% = 8.657.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, Điều 244, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Nguyễn Hữu H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, tổng số tiền tính đến ngày 29-9-2021 là 173.141.628 đồng, trong đó: Nợ gốc 93.499.374 đồng, lãi trong hạn 53.094.836 đồng, lãi quá hạn 26.547.418 đồng.

- Kể từ ngày 30-9-2021, ông Nguyễn Hữu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền nợ gốc 93.499.374 đồng chưa thanh toán cho đến khi ông Nguyễn Hữu H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do E ban hành trong từng thời kỳ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ lãi và phí, phạt cộng dồn phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng, số tiền rút là 60.489.442 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Hữu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.657.000 đồng.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.142.000 đồng (bốn triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006517 ngày 08-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan

Đối với yêu cầu nợ lãi quá hạn 26.547.418 đồng (theo quy định tại Bộ luật dân sự), Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, bản thỏa thuận sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế, biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng, bản giải trình về cơ sở pháp lý và các căn cứ để tính lãi, phí thẻ tín dụng có quy định cụ thể có các loại phí như sau: Phí tài chính (lãi): 28,2%/năm, phí trễ hạn: 4%/số tiền thanh toán tối thiểu (tối thiểu 80.000đ), phí sử dụng vượt hạn mức: 15%/năm/số tiền vượt hạn mức, không có phần nào quy định về tính lãi quá hạn đối với khách hàng dùng thẻ tín dụng quốc tế, bên cạnh đó giữa nguyên đơn và bị đơn không ký kết bất cứ hợp đồng hay thỏa thuận nào khác ngoài văn bản thỏa thuận, biểu phí thì có thỏa thuận về việc tính lãi suất quá hạn theo quy định của Bộ luật dân sự nên phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu áp dụng Bộ luật dân sự để tính lãi quá hạn với số tiền là 26.547.418 đồng, không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

